

BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG
NGOÀI NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1370/TTLĐNN-TCLĐ
V/v thông báo kế hoạch đào tạo giáo dục
định hướng Chương trình EPS
Khóa K03-VX01/2026

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2025

Kính gửi: Sở Nội vụ

Triển khai kế hoạch phái cử người lao động sang Hàn Quốc làm việc năm 2025, căn cứ kế hoạch tiếp nhận của HRD Hàn Quốc, Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng thông báo kế hoạch tổ chức, danh sách người lao động tham gia giáo dục định hướng K03-VX01/2026 (*danh sách kèm theo*) và đề nghị quý Sở phối hợp thực hiện những nội dung sau:

1. Thông báo người lao động thực hiện nghĩa vụ tài chính:

- Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động nộp chi phí phái cử bằng khoản tiền Việt Nam tương đương với 630 USD và chi phí hành chính xin cấp visa 390.000 đồng để xác nhận nguyện vọng thực hiện hợp đồng lao động đã ký với doanh nghiệp Hàn Quốc.

- Chuẩn bị khoản tiền 100 triệu đồng để ký quỹ sau khi kết thúc khóa giáo dục định hướng.

- Các khoản tiền sau đây để nộp **khi đến tập trung** tham dự khóa giáo dục định hướng:

- Học phí bổ túc tiếng Hàn: 920.000 đồng;
- Chi phí tiền ký túc xá, tiền ăn nộp trực tiếp cho đơn vị cung cấp dịch vụ;
- Phương án và chi phí khám sức khỏe: Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ thông báo đến người lao động trước khi tham gia đào tạo định hướng.

2. Thông báo kế hoạch giáo dục định hướng

Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về kế hoạch giáo dục định hướng như sau:

2.1. Địa điểm, thời gian tập trung và tổ chức đào tạo

- Thời gian đào tạo: từ ngày **07/01** đến ngày **21/01/2026**;
- Thời gian làm thủ tục nhập học: **15h00** Thứ Ba ngày **06/01/2026**;
- Địa điểm đào tạo: Công ty cổ phần xây dựng VXT, Km8+500 Đại lộ Thăng Long, thôn An Thọ, xã Sơn Đồng, Tp Hà Nội.

2.2. Người lao động cần chuẩn bị:

- **Hồ sơ xin cấp visa**
 - + In, điền đầy đủ thông tin và mang theo các giấy tờ xin visa (theo mẫu tại website www.colab.moha.gov.vn mục tải biểu mẫu), **Phiếu lý lịch tư pháp số 2** (01 bản gốc có chữ ký của cán bộ Tư pháp, không sử dụng bản có chữ ký điện

tử) và hộ chiếu còn hiệu lực trên 1 năm để nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước làm thủ tục xin cấp visa. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp được cấp sau ngày tập trung, người lao động vẫn đến tập trung theo kế hoạch và chuyển phát phiếu lý lịch tư pháp đến địa điểm nơi người lao động tham dự khóa đào tạo, **muộn nhất vào ngày kết thúc khóa học, người lao động phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Trung tâm lao động ngoài nước.**

Lưu ý: Bộ hồ sơ xin cấp visa bao gồm (1) Tờ khai xin cấp visa, (2) Giấy xác nhận tình trạng sức khỏe, (3) 01 bản photo 2 mặt của CMND/CCCD (4) bản photo trang 2,3 của hộ chiếu, (5) Phiếu lý lịch tư pháp, (6) Hộ chiếu. Người lao động phải đọc kỹ hướng dẫn, điền đầy đủ, chính xác thông tin và sắp xếp hồ sơ theo thứ tự nêu trên. Việc nộp thiếu giấy tờ, kê khai thông tin không chính xác sẽ dẫn đến tiến độ xuất cảnh của người lao động bị chậm hoặc không thể xuất cảnh sang Hàn Quốc làm việc.

- Để ký Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS:

+ Người lao động truy cập thông báo tổ chức khóa đào tạo tại website: www.colab.moha.gov.vn để xác nhận nguyện vọng chấp nhận hợp đồng và cung cấp các thông tin cần thiết.

+ Người lao động mang theo smart phone có thể kết nối internet 4G và sử dụng số điện thoại đã được định danh (đăng ký sim chính chủ) khi tham dự khóa đào tạo.

Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ hướng dẫn nội dung cụ thể trong thời gian người lao động tham gia đào tạo.

- Những nội dung khác:

- + Chuẩn bị **04 ảnh chân dung** có quy cách như sau: phong màu trắng, mặc áo khác màu với màu phong, không qua chỉnh sửa, kích thước 3.5cm x 4.5cm;
- + Chuẩn bị 01 bản photo 02 mặt của CMND/CCCD;
- + Chuẩn bị trang phục để lên lớp hàng ngày: quần âu, áo sơ mi trắng, giày hoặc dép quai hậu.

3. Một số công việc khác

Đối với những lao động thuộc danh sách này đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, đề nghị quý Sở giữ lại số tiền Việt Nam đồng tương đương với 30USD để trang trải các chi phí hành chính; chuyển số tiền còn lại tương đương 600USD (theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm chuyển tiền) và khoản chi phí hành chính xin cấp visa về Trung tâm Lao động ngoài nước chậm nhất ngày **07/01/2026** theo tài khoản sau:

- + Tên tài khoản: Trung tâm Lao động ngoài nước
- + Địa chỉ: Số 1 Trịnh Hoài Đức, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội
- + Số tài khoản: 1440201030194

+ Tại: Chi nhánh Bắc Hà Nội-NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Khi chuyển tiền, đề nghị quý Sở ghi rõ tên địa phương, số tiền và nội dung chuyển tiền).

- Đề nghị quý Sở thông báo bằng văn bản cho Trung tâm lao động ngoài nước: danh sách người lao động hoàn thành nghĩa vụ tài chính và tham gia khóa học; danh sách những người lao động không đến làm thủ tục và không còn nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc; danh sách kèm theo Đơn của người lao động xin tiếp tục tham gia giáo dục định hướng (mẫu kèm theo); danh sách người lao động thuộc đối tượng vay vốn ký quỹ để Trung tâm tổng hợp, triển khai các thủ tục tiếp theo.

Lưu ý: Người lao động không tham gia giáo dục định hướng theo kế hoạch được thông báo hoặc nộp **Phiếu lý lịch tư pháp miễn** dẫn đến nộp hồ sơ xin cấp visa chậm có thể bị doanh nghiệp Hàn Quốc hủy hợp đồng lao động và bị dừng tham gia Chương trình EPS trong thời gian 01 năm.

Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý Sở./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lãnh đạo TT;
- P.TCKT, P.ĐT (để t/h);
- P.QLHTLĐ (để nhắn tin);
- Lưu: VT, TCLĐ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Ngọc Lan



DANH SÁCH ĐÀO TẠO ĐỊNH HƯỚNG KHÓA K03-VX01/2026

(Kèm theo Công văn số 1370/TTĐNN-TCLĐ ngày 26/12/2025 của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp	Mã số HV
1	50531704	Đặng Thị Thu	21/10/1999	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K03VX01-01
2	50531809	Lý Thị Lâm	13/10/1991	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K03VX01-02
3	50531883	Lưu Văn Nghĩa	18/11/2001	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K03VX01-03
4	51032327	Nguyễn Văn Thành	26/12/1999	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K03VX01-04
5	50307271	Ngô Quốc Hưng	22/09/2001	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K03VX01-05
6	50307665	Nguyễn Thị Nữ	26/04/1992	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K03VX01-06
7	50201017	Trần Văn Hạnh	02/06/1995	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K03VX01-07
8	50532414	Giàng A Súa	11/11/1990	Nam	Điện Biên	Điện Biên	K03VX01-08
9	50300719	Đỗ Quốc Huy	10/07/2000	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K03VX01-09
10	50800153	Nguyễn Tất Đạt	27/10/2003	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K03VX01-10
11	50333499	Nguyễn Thị Út Ly	09/06/1991	Nữ	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K03VX01-11
12	50333511	Nguyễn Thị Minh Phương	26/02/1999	Nữ	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K03VX01-12
13	50333529	Nguyễn Thị Mai	23/06/2001	Nữ	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K03VX01-13
14	50333662	Võ Kim Tuấn	18/06/1992	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K03VX01-14
15	50333742	Phan Hoàng Phong	17/05/1993	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K03VX01-15
16	50333975	Trần Ngọc Sơn	29/10/1991	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K03VX01-16
17	50333987	Đoàn Thị Thu Hoài	22/10/2005	Nữ	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K03VX01-17
18	50334033	Hoàng Văn Đại	23/04/1994	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K03VX01-18
19	50334080	Phan Văn Điều	02/01/1986	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K03VX01-19
20	50334174	Nguyễn Thanh Bắc	16/01/1996	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K03VX01-20
21	50334190	Phạm Đức Tuệ	22/03/1997	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K03VX01-21
22	50334289	Dương Ngọc Quyền	25/10/2001	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K03VX01-22
23	50828540	Trần Hậu Thành	22/12/1998	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K03VX01-23
24	50303207	Hoàng Thị Ánh	13/10/2005	Nữ	Hung Yên	Hung Yên	K03VX01-24
25	50303431	Đỗ Thị Trang	11/06/2001	Nữ	Hung Yên	Hung Yên	K03VX01-25
26	50311810	Vũ Thị Giang	22/07/1993	Nữ	Ninh Bình	Ninh Bình	K03VX01-26
27	50311962	Đinh Quang Huy	06/10/1992	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K03VX01-27
28	50350935	Vũ Văn Phương	20/04/1989	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K03VX01-28
29	50350937	Đỗ Đức Công	21/11/2005	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K03VX01-29
30	50350940	Bùi Văn Hải	22/05/2002	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K03VX01-30
31	50350954	Lê Minh Hồng	13/10/2005	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K03VX01-31
32	50322282	Nguyễn Cảnh Thanh	22/02/2000	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-32
33	50322440	Nguyễn Văn Toàn	12/06/1990	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-33
34	50322483	Nguyễn Tuấn Anh	20/10/1987	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-34
35	50322489	Trần Ngọc Hợp	11/12/1998	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-35
36	50322951	Lê Đình Tài	24/10/1994	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-36
37	50323254	Phạm Thị Lam	08/01/2005	Nữ	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-37
38	50323678	Nguyễn Thị Hồng	15/12/1999	Nữ	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-38
39	50323928	Trần Đình Nguyên	18/11/2005	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-39
40	50323971	Đào Danh Ý	02/09/2000	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-40
41	50324043	Nguyễn Văn Hiếu	30/07/1998	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-41
42	50324140	Vì Thị Hạnh	14/12/2001	Nữ	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-42
43	50324388	Đặng Đình Dương	20/03/1997	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-43
44	50324786	Đoàn Văn Trang	10/09/1996	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-44
45	50324793	Phạm Bá Lâm	21/09/1997	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-45
46	50324892	Thái Đăng Lý	02/08/1990	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-46
47	50324949	Trương Văn Biên	05/01/1991	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-47
48	50325001	Nguyễn Văn Đông	25/11/1994	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-48
49	50325028	Hồ Sỹ Vượng	05/04/1997	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-49
50	50325048	Trần Từ Hùng	07/10/2001	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-50
51	50325228	Thái Đàm Sao	12/10/1995	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-51
52	50325251	Hoàng Minh Đức	28/11/2001	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-52
53	50325299	Nguyễn Bá Đạt	23/07/2004	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-53

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp	Mã số HV
54	50325307	Đoàn Văn Hùng	01/01/1995	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-54
55	50325390	Hoàng Văn Đại	06/08/1998	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-55
56	50325431	Trần Quang Trung	27/10/2001	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-56
57	50325438	Hồ Văn Mạnh	13/02/2000	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-57
58	50325442	Cao Văn Hoàn	09/01/2005	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-58
59	50325640	Chu Tuấn Anh	05/03/2004	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-59
60	50325896	Hồ Trọng Trường	06/07/1999	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-60
61	50325914	Trần Viết Lãm	22/10/1995	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-61
62	50325977	Trương Văn Tuyên	08/10/2001	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-62
63	50326265	Trần Văn Hùng	02/11/2002	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-63
64	50326279	Nguyễn Trọng Nghĩa	13/11/1999	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-64
65	50353462	Nguyễn Hữu Nội	21/03/1990	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-65
66	50353733	Nguyễn Ngọc Hiệp	16/02/2005	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-66
67	50353758	Nguyễn Đình Tiến	09/09/1995	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-67
68	50353773	Hoàng Văn Dũng	01/10/1992	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-68
69	50353900	Bùi Văn Thực	01/07/1987	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-69
70	50353979	Đoàn Văn Thích	08/09/2001	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-70
71	50381014	Nguyễn Anh Tuấn	10/11/1995	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-71
72	50381056	Hoàng Đình Dũng	30/01/1998	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-72
73	50381062	Trần Ngọc Đức	09/11/1996	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-73
74	50825687	LÔ VĂN MUÔN	20/03/2003	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-74
75	50826051	DƯƠNG HỮU NAM	12/09/2001	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K03VX01-75
76	50306071	Nguyễn Thị Thanh Mai	03/02/2005	Nữ	Phú Thọ	Phú Thọ	K03VX01-76
77	50306295	Đặng Quang Khánh	03/10/2003	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K03VX01-77
78	50200342	Nông Văn Tuế	02/05/1990	Nam	Bắc Kạn	Thái Nguyên	K03VX01-78
79	50533064	Hà Văn Hùng	23/10/1995	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-79
80	50533080	Cao Thị Thiết	20/07/1995	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-80
81	50533100	Mai Thị Dung	21/05/1996	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-81
82	50533192	Lê Viết Đức	01/08/1992	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-82
83	50533257	Vi Thị Yên	16/01/1999	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-83
84	50533263	Vũ Văn Tường	25/09/1997	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-84
85	50533284	Vi Thị Đưa	04/08/1998	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-85
86	50533302	Lê Thị Linh	27/11/2002	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-86
87	50533387	Phạm Thị Thảo	05/11/2003	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-87
88	50533395	Vi Thị Thương	05/05/2001	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-88
89	50533457	Ngân Xuân Hiếu	21/05/2004	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-89
90	50533485	Nguyễn Thị Hồng	15/05/1991	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-90
91	50541909	Nguyễn Văn Nguyên	03/01/1988	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-91
92	50542077	Lê Xuân Hải	03/02/1987	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-92
93	50542190	Nguyễn Đức Thế	20/11/2004	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-93
94	50542195	Mai Xuân Ngọc	21/01/1988	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-94
95	50314107	Nguyễn Sỹ Ba	16/10/2004	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-95
96	50314499	Phạm Minh Quân	11/11/2001	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-96
97	50314632	Lê Đình Sơn	19/11/2004	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-97
98	50316012	Nguyễn Văn Toàn	06/10/1994	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-98
99	50316630	Nguyễn Văn Ninh	23/11/2004	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-99
100	50320122	Vũ Đình Hải	16/08/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-100
101	50320421	Lê Văn Khánh	25/10/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-101
102	50320885	Nguyễn Công Vương Lý	25/04/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-102
103	50352207	Hoàng Bùi Linh	28/10/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-103
104	50352242	Lường Văn Út	25/12/1989	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-104
105	50352279	Trịnh Văn Duẩn	03/07/1992	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-105
106	50352294	Lường Ngọc Sỹ	11/06/1989	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-106
107	50352297	Lường Văn Tuấn	05/10/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-107
108	50352300	Nguyễn Văn Thường	27/06/1992	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-108
109	50352308	Bùi Thanh Dũng	02/02/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-109

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp	Mã số HV
110	50352314	Trương Ngọc Dũng	12/07/1988	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-110
111	50352335	Nguyễn Hữu Hậu	07/11/1988	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-111
112	50352354	Mai Văn Thụ	30/01/1990	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-112
113	50352358	Lê Văn Tuấn	27/05/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-113
114	50352370	Hồ Văn Quân	20/08/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-114
115	50352373	Lê Văn Hùng	14/11/1989	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-115
116	50352383	Nguyễn Ngọc Lý	21/06/1988	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-116
117	50352388	Lê Thành Toàn	23/08/1990	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-117
118	50352412	Lữ Văn Tới	20/10/1989	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-118
119	50352417	Nguyễn Văn Tiến	30/09/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-119
120	50352456	Bùi Văn Chiên	16/07/1989	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-120
121	50352460	Nguyễn Văn Trường	23/07/1988	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-121
122	50352466	Nguyễn Văn Định	14/09/1988	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-122
123	50352469	Trương Văn Giang	16/05/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-123
124	50352470	Trần Văn Sơn	23/07/1987	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-124
125	50352481	Nguyễn Văn Đức	15/01/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-125
126	50352507	Phạm Ngọc Đạt	02/08/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-126
127	50352510	Phùng Văn Cương	01/02/1988	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-127
128	50352527	Nguyễn Xuân Ngân	11/12/1992	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-128
129	50352538	Nguyễn Văn Tuấn	04/12/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-129
130	50352543	Vũ Văn Lực	05/04/1989	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-130
131	50352601	Lê Văn Huỳnh	20/04/1992	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-131
132	50352603	Phạm Hùng Tùng	20/05/1990	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-132
133	50352610	Vũ Văn Oanh	19/10/1992	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-133
134	50352626	Phạm Văn Hồng	18/02/1989	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-134
135	50352627	Nguyễn Thái Thiên Long	07/06/1998	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-135
136	50352628	Lê Doãn Minh	16/06/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-136
137	50352632	Trương Đình Vương	18/06/1992	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-137
138	50352649	Dương Văn Thắng	18/09/1988	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-138
139	50352710	Trương Đức Nam	04/07/1989	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-139
140	50352722	Nguyễn Văn Tùng	10/06/1994	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-140
141	50352735	Ngô Văn Luận	04/10/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-141
142	50352749	Nguyễn Đình Xuân	20/05/1988	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-142
143	50352762	Lê Văn Công	15/02/1987	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-143
144	50352779	Nguyễn Văn Tú	15/07/1994	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-144
145	50352800	Nguyễn Văn Quang	01/10/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-145
146	50352806	Nguyễn Văn Thanh	16/02/1992	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-146
147	50352817	Nguyễn Tài Phúc	10/06/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-147
148	50352843	Lê Khắc Hùng	09/12/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-148
149	50352872	Trần Anh Đức	12/06/1990	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-149
150	50352873	Nguyễn Văn Biên	08/01/1988	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-150
151	50352885	Trần Trí Hiệp	27/01/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-151
152	50352901	Trương Trọng Khanh	19/12/1988	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-152
153	50352902	Đổng Phúc Thu	15/04/1990	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-153
154	50352906	Lê Văn Tuấn	06/09/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-154
155	50352963	Nguyễn Bá Vũ	05/10/2001	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-155
156	50352975	Hoàng Văn Vũ	15/10/1994	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-156
157	50353010	Lê Văn Thiện	05/08/1992	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-157
158	50353030	Nguyễn Văn Bình	07/04/1988	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-158
159	50353037	Đỗ Xuân Hưng	14/07/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-159
160	50353052	Đỗ Trung Kiên	20/09/1999	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-160
161	50353059	Lê Văn Tính	04/08/1989	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-161
162	50353071	Lê Minh Phùng	01/01/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-162
163	50353083	Trịnh Văn Huy	15/04/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-163
164	50353088	Nguyễn Văn Bình	05/07/1987	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-164
165	50353097	Lê Văn Hùng	20/03/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-165

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp	Mã số HV
166	50353107	Lê Sỹ Năm	07/07/1989	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-166
167	50353114	Lê Bá Quang	02/10/1994	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-167
168	50353121	Nguyễn Trọng Anh	02/11/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-168
169	50353128	Trần Đức Thịnh	18/03/1994	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-169
170	50353135	Nguyễn Hữu Hải	24/06/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-170
171	50353158	Trương Văn Tính	03/02/1990	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-171
172	50353171	Trần Trí Sáng	05/10/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-172
173	50353178	Nguyễn Hữu Duy	23/12/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-173
174	50353181	Nguyễn Văn Trường	12/12/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-174
175	50202127	Cao Văn Đức	07/01/1997	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-175
176	50815078	Dương Thị Phương Anh	24/06/2002	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-176
177	50815308	Bùi Văn Thuận	07/05/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-177
178	50815748	Lê Văn Sơn	21/02/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-178
179	50816382	Lê Văn Dương	18/04/2004	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-179
180	50817804	Nguyễn Thị Huyền Trang	03/09/2004	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-180
181	50818539	Lê Hồng Sơn	07/09/1999	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-181
182	50818587	Phạm Văn Khương	09/10/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-182
183	50818767	Mai Thị Ngọc	10/02/2003	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-183
184	50819514	Mai Hoài Nam	27/11/1999	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-184
185	50819877	Nguyễn Văn Duy	25/04/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K03VX01-185

4